

NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH VỚI NƯỚC NHẬT

NGUYỄN QUỐC HÙNG*

Có nhiều người nhận xét: Trong các bài viết với số lượng không nhỏ, hình như Bác Hồ viết ít về Nhật Bản hơn các nước Pháp, Liên Xô - Nga, Trung Quốc... Và là người đã bôn ba nhiều nước ở hầu khắp năm châu bốn biển, nhưng cũng chưa một lần Bác Hồ đặt chân tới nước Nhật. Trong chúng ta như ngầm có một sự nuối tiếc nhưng ít nói ra. Gần đây (9-2003), tôi có dịp gặp gỡ với hai giáo sư Nhật Bản Yumio Sakurai và Furuta Motoo (Đại học Tokyo), hai ông cũng có những ý nghĩ như vậy. Nhưng thật ra, Bác Hồ đã có những bài viết riêng về nước Nhật (không phải chỉ là nhắc tới trong một bài viết nào đó) và có cả trường hợp có phần hiếm thấy.

Còn trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng, rõ ràng Người lại càng không thể tới nước Nhật vì nhiều lẽ, nhất là sự theo dõi, truy nã gắt gao của mạng lưới dày đặc những mật thám, cảnh sát của Pháp và cả Nhật. Đó còn là bài học cay đắng của phong trào Đông Du những tin vào "đồng văn, đồng chủng" với Nhật, nhưng cuối cùng các nhà cầm quyền Nhật Bản đã ra lệnh trục xuất các chiến sĩ Đông Du và cả Phan Bội Châu. Họ đã câu kết với thực dân Pháp.

Sau này, từ cuối năm 1924 Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô trở về Trung Quốc rồi tiếp tục hoạt động ở nhiều nước châu Á như Thái Lan, Mã Lai, Xingapo... nhưng vẫn không thể tới Nhật Bản. Bởi từ đầu những năm 30, Nhật Bản ngày càng quân phiệt hoá, khủng bố thẳng tay mọi phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết đẩy mạnh chính sách chiến tranh xâm lược. Hơn nữa, cũng vào đầu những năm 30, vụ án Hồng Công chỉ vừa khép lại, và nhờ may mắn Người mới thoát khỏi những mưu đồ đen tối cực kỳ nguy hiểm của thực dân Pháp và đế quốc Anh. Đối với Người, nước Nhật không thể là một địa bàn, một khu vực để đi tới.

*

Năm 1923, trong số các bài viết đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc đã viết một bài về Nhật Bản. Đó là bài *Phong trào công nhân Nhật Bản* (1). Tuy đã trở thành một nước tư bản chủ nghĩa, nhưng ở Nhật vẫn còn có sự phân biệt đối xử bất công với một bộ phận dân cư - những người Eta, mà ở nước ta hầu như rất ít người biết tới. Nguyễn Ái Quốc viết: "Về bề ngoài thì Eta không khác gì những người Nhật khác. Nhưng có một câu chuyện hoang đường là người Eta xuất thân từ những bộ lạc nô lệ xưa kia từ nước ngoài kéo vào" (2). Tình cảnh của họ thật

*PGS. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN.

cực nhục: "Họ buộc phải sống trong những vùng dành riêng cho họ, nơi mà không bao giờ người Nhật lui tới. Họ không có quyền giao thiệp với nhân dân Nhật. Họ chỉ có quyền quan hệ với người Nhật với tư cách là những người hầu hạ. Họ nhận làm những công việc nặng nhọc và bẩn thỉu nhất. Bẩn thỉu, thấp hèn - đó là người Eta: (3). Lịch sử Nhật Bản xếp họ vào nhóm những người thiểu số (không phải theo ý nghĩa sắc tộc) mà là ngoài 4 giai cấp Samurai, nông dân, thợ thủ công và thương nhân. Đó là sự quy định của luật pháp thời Tokugawa (1600-1868) và ngay chính cái tên Eta (có nghĩa là "rất thô tục") hoặc Hiniu (có nghĩa "không phải là người") cũng là từ thời Tokugawa, mà trước đó gọi là người Buraku. Họ làm những công việc như làm thợ thuộc da, bọc đồ vật bằng da thú, tù khổ sai, đao phủ, đào huyết... Người Eta bị ruồng bỏ, khinh miệt không phải chỉ từ những định kiến "thâm căn cố đế" mà còn là pháp luật quy định. Nguyễn Ái Quốc cho biết: "Người Eta có 3 triệu người" và Người so sánh thân phận của họ chẳng khác "những đám người Sudra" ở Ấn Độ hay những người da đen ở châu Phi (4). Không cam chịu sự kỳ thị bất công và bóc lột tàn nhẫn đó, người Eta đã tổ chức đấu tranh. Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu khá cụ thể phong trào đấu tranh của người Eta với việc thành lập tổ chức của họ là Hội "Xukhây" (Bình đẳng), khẩu hiệu đấu tranh và cương lĩnh hành động của người Eta (5). Cũng cần phải nói rằng: Sau này, Chính phủ Nhật Bản đã có những cố gắng để xoá bỏ những định kiến và sự kỳ thị đối với người Eta qua các chỉ dụ của nhà vua năm 1870; và sau đó là các quyết định năm 1960, 1965 và 1969... Nhờ đó, đời sống vật chất, các dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục và trình độ học vấn của người Eta đã có nhiều thay đổi lớn. Tuy nhiên, cho đến nay

vẫn còn tồn tại những trường hợp như đám cưới bị huỷ bỏ khi một trong hai phía gia đình biết rằng con cái họ trước kia là người Buraku. Hoặc có những công ty vẫn cố loại bỏ những người này khi họ đi tìm kiếm việc làm (6). Trong phần cuối của bài viết, Nguyễn Ái Quốc còn đề cập tới phong trào đấu tranh của công nhân nông nghiệp Nhật Bản và qua thực tiễn theo dõi phong trào, Người đã chỉ ra những điểm mạnh, yếu giữa hai tổ chức công đoàn phía Tây (vùng Osaka và Kobe) và phía Đông (Tokyo) mà họ cần khắc phục.

15 năm sau, năm 1938 Nguyễn Ái Quốc lại có một bài viết về Nhật Bản, nhưng là về chính sách đối ngoại xâm lược của nước này. Đó là bài *Người Nhật Bản muốn khai phá Trung Quốc như thế nào?* (7). Với bút danh P.C.Lin, dưới danh nghĩa một nhà báo Trung Quốc và từ những tư liệu một cuốn sách của tác giả người Anh, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo những tội ác của quân đội Nhật ở Trung Quốc. Lúc này, nước Nhật quân phiệt đang theo đuổi chính sách đối ngoại cực kỳ hiếu chiến và mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn cõi Trung Hoa, đe dọa nghiêm trọng số phận các dân tộc Đông Nam Á. Nguyễn Ái Quốc viết: "Theo tính toán của một người nước ngoài đã từng nhiều lần ở vùng từ Thượng Hải đến Nam Kinh trước và sau khi Nhật chiếm đóng, thì ít nhất trong vùng này đã có 300.000 người dân thường bị giết, trong số đó, có tới 100.000 người bị tàn sát có hệ thống (8).

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Toà án quân sự quốc tế Tokyo đã xét xử "Vụ án thảm sát Nam Kinh" mà Nguyễn Ái Quốc đã viết trong bài. Bản án viết: "Khi quân Nhật tiến vào thành phố (Nam Kinh) sáng ngày 13-12-1937, mọi sự kháng cự đã chấm dứt. Lính Nhật từng tốp đi lang thang

trong thành phố thực hiện đủ loại tội ác dã man. Nhiều tên lính say rượu đi dọc theo các phố, không cần xét hỏi gì đã giết chết nhiều người dân Trung Quốc: đàn ông, đàn bà và trẻ em cho đến lúc xác người ngổ ngang trên các quảng trường, đường phố và ngã tư. Chúng hãm hiếp cả các em gái nhỏ và các cụ già. Nhiều phụ nữ sau khi bị làm nhục đã bị giết chết và thân thể của họ không còn lành lặn. Các cửa hàng, nhà kho sau khi bị cướp phá, lính Nhật đã đốt cháy. Khu thương mại trung tâm và nhiều khu vực buôn bán khác của thủ đô Nam Kinh bị thiêu huỷ hoàn toàn (9). Những tội ác như thế của quân đội Nhật, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo và lên án từ 8 năm trước, và Người cảnh báo cho các dân tộc châu Á: "Và cũng như những gì mà chúng nhất định sẽ tiến hành tại các nước khác ở châu Á, nếu một khi chúng đã thắng được nhân dân Trung Quốc" (10).

Tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước để trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh giành lại độc lập tự do của nhân dân ta. Lúc bấy giờ, cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt ở chiến trường Xô-Đức, và cuối năm 1941 cuộc chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ với cuộc tấn công của Nhật vào căn cứ hải quân lớn của Mỹ ở Trân Châu cảng. Trong những ngày tháng này, Liên Xô và các nước đồng minh Mỹ, Anh gặp nhiều khó khăn. Quân đội phát xít Đức đã tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô, cuối năm 1941 có lúc chúng đã đứng trước thành Matxcova. Còn ở Thái Bình Dương, sau trận tiến công Trân Châu cảng, quân Nhật lao nhanh xuống Đông Nam Á, liên tiếp giành những thắng lợi quân sự trước quân đội Anh, Mỹ. Nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn bình tĩnh theo dõi chiến cuộc. Và trong bài viết nhân dịp năm mới 1942, Người đã khẳng định: "Ta có thể quyết đoán rằng,

Nga nhất định thắng, Đức nhất định bại. Anh - Mỹ sẽ được, Nhật Bản sẽ thua. Đó là một dịp rất tốt cho dân ta khởi nghĩa đánh đuổi Pháp, Nhật, làm cho Tổ quốc ta được độc lập, tự do..." (11). Bài viết này được đăng trên báo "Việt Nam độc lập" số 114 ra ngày 1-1-1942. Dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã nhất tề nổi dậy, làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, giành lại độc lập, tự do như "những quyết đoán" của Người từ đầu năm 1942.

*

Sau cuộc Cách mạng mùa Thu 1945, Hồ Chí Minh trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Gần 30 năm ở cương vị đứng đầu nước Việt Nam độc lập, trong bối cảnh thế giới chia thành hai phe đối đầu nhau căng thẳng và nhất là đất nước ta phải liên tục đương đầu với hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ bày tỏ thái độ và chính kiến của Người đối với nước Nhật chủ yếu là qua các cuộc phỏng vấn của báo chí Nhật Bản, nhất là từ năm 1965, như với báo Akahata (Đảng Cộng sản Nhật Bản), Chunichi Shinbun, Tokyo Shinbun... và hãng tin Nihông Denpa. Trong số đó, bài trả lời của Người với nhà báo Nhật Bản Shiraishi Bon của báo Asahi Shinbun vào tháng 11-1959 đã gây nên sự chú ý lớn trong dư luận. Lúc đó, theo Hoà ước San Francisco (Điều 14) ký kết với Nhật Bản ngày 8-9-1951, Nhật Bản có nghĩa vụ bồi thường chiến tranh cho các nước đồng minh và các nước khác về những thiệt hại do Nhật Bản gây ra trong thời kỳ chiến tranh. Từ năm 1954 đến 1965, Nhật Bản đã tiến hành bồi thường chiến tranh cho nhiều nước Đông Nam Á như Mianma, Philippin, Indônêxia (12) và cả với Chính

quyền Sài Gòn miền Nam Việt Nam. Theo hiệp ước ký kết giữa Nhật Bản và Nam Việt Nam tháng 5-1959, Nhật Bản bồi thường cho Nam Việt Nam tổng số tiền là 14 tỷ yên (39 triệu USD) trong thời hạn 5 năm" (13). Nhà báo Shiraishi hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Việc đàm phán về vấn đề bồi thường chiến tranh đã được tiến hành giữa Chính phủ Nhật Bản và Nam Việt Nam. Ngay ở Nhật Bản cũng có người chỉ trích việc đàm phán này, và tin tức cho biết là nước Ngài không hài lòng. Theo ý Ngài, nhân dân Nhật Bản cần được hiểu vấn đề này như thế nào? Theo ý Ngài, vấn đề này cần được giải quyết như thế nào?"

Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời: "Trong cuộc Đại chiến thứ Hai, quân phiệt Nhật Bản đã xâm chiếm nước Việt Nam và gây ra nhiều tổn thất cho nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam. Toàn thể nhân dân Việt Nam có quyền đòi Chính phủ Nhật Bản bồi thường những thiệt hại đó. Nhưng hiện nay Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành đàm phán và ký kết bồi thường chiến tranh với Chính quyền Nam Việt Nam là không hợp pháp".

Người nói tiếp: "Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thấy rằng đòi Nhật Bản bồi thường sẽ là một gánh nặng cho nhân dân Nhật Bản. Vấn đề cốt yếu trong quan hệ giữa hai nước không phải là việc đòi bồi thường, mà tình đoàn kết hợp tác giữa hai dân tộc Việt - Nhật đấu tranh chống chiến tranh và bảo vệ hoà bình là quý hơn hết" (14).

Câu trả lời không dài, nhưng thật rõ ràng và cao cả. Dù Chính phủ Nhật Bản đã có việc làm "không hợp pháp" là đàm phán, bồi thường riêng rẽ cho Chính quyền Sài Gòn, nhưng Người vẫn chỉ rõ: "Vấn đề cốt yếu là "tình đoàn kết hợp tác giữa hai dân

tộc Việt - Nhật... là quý hơn hết". Hơn 40 năm nhưng những lời nói của Người vẫn vang lên ý nghĩa thật sâu sắc vào những ngày này, khi cả hai nước kỷ niệm trọng thể 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức Việt Nam và Nhật Bản.

Từ năm 1965, Mỹ tiến hành chiến tranh cục bộ ở miền Nam nước ta. Cả thế giới đã dậy lên mạnh mẽ phong trào phản đối Mỹ và ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, trong đó có các tầng lớp nhân dân Nhật Bản. Từ năm 1965 cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, và trong những ngày tháng đó, Hồ Chí Minh đã có nhiều hoạt động đối ngoại sôi nổi như gửi điện chào mừng hoặc thăm hỏi, gửi thư tới các nguyên thủ quốc gia, các chính khách và trí thức nhiều nước, trả lời phỏng vấn các báo nước ngoài, viết nhiều bài lên án đế quốc Mỹ và có riêng một bài viết về phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Nhật Bản. Có lẽ đây là bài viết duy nhất của Người về loại này. Bài viết có nhan đề: *"Nhân dân và dư luận Nhật Bản nhiệt liệt ủng hộ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta"*. Bài viết của Người khá dài dưới hình thức một báo cáo với bút danh "Chiến sĩ" (15). Với lượng thông tin phong phú, Người đã nêu lên phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản đã diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau (từ chối chuyên chở các dụng cụ chiến tranh của Mỹ sang Việt Nam, mít tinh, tuần hành, hội thảo - tranh luận v.v...) và của các tầng lớp xã hội: công nhân, trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên và nhất là giới báo chí như các tờ Akahata, Nhật Bản thời báo, Triều - Nhật tân văn và các tạp chí Văn nghệ xuân thu, Triều - Nhật chu san, Thế giới v.v... Tất cả đã thể hiện những tình cảm nồng nhiệt, những nhận thức sâu sắc và những việc làm dũng cảm, thiết thực của các tầng lớp nhân dân Nhật

Bản ủng hộ mạnh mẽ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Nét hết sức nổi bật trong bài viết của Người - vốn là một nhà báo lão thành - là những số liệu cụ thể, những tên người và những địa danh rõ ràng, những thông tin nóng hổi đầy sức thuyết phục. Cuối cùng, Người bày tỏ: "Tôi xin phép thay mặt đồng bào ta cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân và dư luận nước Nhật Bản đối với cuộc chống Mỹ, cứu nước của chúng tôi" (16).

Và như một điều đương nhiên, trong bài trả lời phỏng vấn của báo Akahata, Người khẳng định: "Việt Nam và Nhật Bản là hai nước láng giềng. Nhân dân Việt Nam và nhân dân Nhật Bản là anh em" (17). Với thời gian, ngày nay những điều trên đã và đang trở thành hiện thực sinh động khi hai nước cùng nhau là "Đối tác tin cậy, Hợp tác lâu dài" tiến vào thế kỷ XXI.

Tháng 10 năm 2003

CHÚ THÍCH

(1), (2). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 1. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 164.

(3), (4), (5). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Sđd, tr. 164-165, 165-167.

(6). Richard Bowring, Peter Kornicki. *Bách khoa toàn thư Nhật Bản*. Hà Nội, 1995, tr. 283.

(7), (8). (3), (4), (5). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 3. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 60, 66.

(9). Viện Hàn lâm khoa học Nga. *Lịch sử Nhật Bản 1868-1998*. Tập 2, Mátxcơva, 1998, tr. 373 (tiếng Nga).

(10). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 3. Sđd, tr. 69.

(11). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 3. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 211-212.

(12). Theo các hiệp ước ký kết của Chính phủ Nhật Bản với các nước Đông Nam Á, Nhật Bản đã bồi thường cho Mianma là 72 tỷ yên (200 triệu USD) trong vòng 10 năm; cho Philippin - 198 tỷ yên (550 triệu USD) trong 20 năm; cho Indônêxia - 80,3 tỷ yên (223 triệu USD) trong 12 năm. Xem chú thích 13.

(13). Theo I.I. Vaxilépaxcaia. *Bành trướng kinh tế của Nhật Bản ở các nước Đông Nam Á 1951-1961*. Trong: *Chủ nghĩa thực dân - Hôm qua và Hôm nay*. Nxb. Khoa học, Mátxcơva, 1964, tr. 282, 287 (tiếng Nga).

(14). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 8. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 495.

(15), (16). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 10. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 198, 217.

(17). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 9. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 605.

